

CÔNG TY TNHH FPT IS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



CÔNG TY TNHH FPT IS

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

**CÔNG TY TNHH FPT IS**

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp</b>	Số 0104128565 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2025.	
<b>Chủ tịch Công ty</b>	Ông Trần Đăng Hòa	
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Hoàng Minh Ông Đỗ Sơn Giang Ông Đặng Trường Thạch	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Trần Đăng Hòa Ông Nguyễn Hoàng Minh	Chủ tịch Công ty Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở chính</b>	Số 10, phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY TNHH FPT IS

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty TNHH FPT IS ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Giám đốc Tài chính của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 360/25/UQ-FPT IS ngày 1 tháng 11 năm 2025.

#### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc,

Đậu Trần Trung  
Giám đốc Tài chính  
Chữ ký được ủy quyền

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 17 tháng 3 năm 2026

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH FPT IS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH FPT IS (“Công ty”) và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Giám đốc Tài chính của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 17 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Khắc Thế  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:  
2043-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Ngọc Yến  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:  
5995-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4292  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.678.953.799.417</b>	<b>6.323.273.081.726</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	744.415.823.728	483.377.398.221
111	Tiền		529.154.741.945	395.156.287.959
112	Các khoản tương đương tiền		215.261.081.783	88.221.110.262
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>2.752.678.347.765</b>	<b>1.632.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	2.752.678.347.765	1.632.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.465.832.828.789</b>	<b>3.568.713.678.236</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.991.217.554.739	2.131.336.319.003
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		246.314.083.011	246.771.982.780
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	6	200.405.269.967	137.331.075.079
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7(a)	1.211.825.000.000	1.130.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	257.959.040.173	225.938.746.851
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9(a)	(441.888.119.101)	(302.664.445.477)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	10	<b>689.216.863.796</b>	<b>595.520.405.002</b>
141	Hàng tồn kho		695.830.854.951	601.584.670.247
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.613.991.155)	(6.064.265.245)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>26.809.935.339</b>	<b>43.661.600.267</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	25.197.952.599	42.314.692.773
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		1.414.030.996	1.128.901.487
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		197.951.744	218.006.007
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>522.025.019.539</b>	<b>558.325.691.494</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>11.042.707.842</b>	<b>9.206.599.413</b>
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7(b)	-	171.825.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	11.042.707.842	9.206.599.413
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9(b)	-	(171.825.000.000)
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>302.078.281.085</b>	<b>367.587.932.367</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	179.486.153.890	228.329.120.037
222	Nguyên giá		576.113.457.900	581.197.250.232
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(396.627.304.010)	(352.868.130.195)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	122.592.127.195	139.258.812.330
228	Nguyên giá		360.381.238.939	320.727.046.401
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(237.789.111.744)	(181.468.234.071)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>18.614.174.482</b>	<b>30.908.975.873</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	18.614.174.482	30.908.975.873
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>10.773.911.959</b>	<b>9.030.726.896</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14	10.773.911.959	9.030.726.896
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>179.515.944.171</b>	<b>141.591.456.945</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	116.555.505.727	97.211.383.067
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	49.292.593.959	44.380.073.878
269	Lợi thế thương mại		13.667.844.485	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>8.200.978.818.956</b>	<b>6.881.598.773.220</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.050.680.852.806</b>	<b>5.006.628.109.819</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.829.846.527.463</b>	<b>4.916.798.550.819</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16	998.393.086.920	1.059.688.284.490
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	506.979.983.108	354.816.589.723
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	146.048.690.385	121.252.633.974
314	Phải trả người lao động		468.556.095.996	255.357.727.065
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	364.429.754.258	318.656.175.545
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	6	85.650.109.236	92.738.882.375
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	132.139.350.093	110.944.184.841
319	Phải trả ngắn hạn khác	21(a)	382.835.814.684	433.395.504.593
320	Vay ngắn hạn	22(a)	2.641.500.311.318	2.031.948.592.511
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	23(a)	4.647.758.536	10.259.519.594
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		98.665.572.929	127.740.456.108
330	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>220.834.325.343</b>	<b>89.829.559.000</b>
337	Phải trả dài hạn khác	21(b)	134.929.329.954	-
338	Vay dài hạn	22(b)	-	26.292.539.709
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15	-	3.330.547.045
342	Dự phòng phải trả dài hạn	23(b)	85.712.899.106	60.014.375.963
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		192.096.283	192.096.283
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.150.297.966.150</b>	<b>1.874.970.663.401</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.147.547.966.150</b>	<b>1.872.220.663.401</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	24, 25	1.500.000.000.000	1.300.000.000.000
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25	1.701.409.829	1.444.929.743
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	25	576.407.033.168	506.887.720.943
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		181.000.695.677	192.018.514.452
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		395.406.337.491	314.869.206.491
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	25	69.439.523.153	63.888.012.715
430	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>2.750.000.000</b>	<b>2.750.000.000</b>
431	Nguồn kinh phí		2.750.000.000	2.750.000.000
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.200.978.818.956</b>	<b>6.881.598.773.220</b>



Vũ Thị Mai  
Người lập



Trần Khương  
Kế toán trưởng



Đào Trần Trung  
Giám đốc Tài chính  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 17 tháng 3 năm 2026


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.125.395.390.829	7.513.770.842.377
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	5.347.435.431	12.148.834.494
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	27 8.120.047.955.398	7.501.622.007.883
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28 6.485.213.353.623	5.982.237.494.606
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	1.634.834.601.775	1.519.384.513.277
21	Doanh thu hoạt động tài chính	29 203.622.832.586	148.355.812.557
22	Chi phí tài chính	30 102.218.565.435	85.953.625.885
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	88.567.350.780	63.431.502.988
24	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	14 1.743.185.063	(55.960.189)
25	Chi phí bán hàng	31 785.159.531.670	642.522.491.147
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32 471.404.312.481	517.502.261.816
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22 + 24) - (25 + 26))	481.418.209.838	421.705.986.797
31	Thu nhập khác	32.178.160.201	34.494.649.699
32	Chi phí khác	12.894.933.023	16.075.827.373
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	33 19.283.227.178	18.418.822.326
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	500.701.437.016	440.124.809.123
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	34 106.412.714.303	109.164.356.663
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34 (8.243.067.126)	(13.604.137.699)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	402.531.789.839	344.564.590.159
	Phân bổ cho:		
61	Chủ sở hữu của công ty mẹ	407.635.399.475	345.660.292.640
62	Cổ đông không kiểm soát	(5.103.609.636)	(1.095.702.481)



Vũ Thị Mai  
Người lập



Trần Khương  
Kế toán trưởng



Đâu Trần Trung  
Giám đốc Tài chính  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 17 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	500.701.437.016	440.124.809.123
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	117.773.817.034	111.288.174.377
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng	(11.964.838.381)	125.049.734.522
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.600.472.402)	1.731.707.748
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(177.153.171.824)	(126.673.540.345)
06	Chi phí lãi vay	88.567.350.780	63.431.502.988
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	515.324.122.223	614.952.388.413
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	99.512.053.134	(590.913.114.442)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(94.101.727.868)	146.824.100.572
11	Tăng các khoản phải trả	359.777.420.176	93.700.657.932
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.007.305.036)	9.113.850.127
14	Tiền lãi vay đã trả	(89.978.100.320)	(61.887.400.708)
15	Thuế TNDN đã nộp	(73.364.368.321)	(67.785.978.167)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	100.000.000	35.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(41.494.694.967)	(1.296.822.818)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	673.767.399.021	142.742.680.909
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(48.329.047.316)	(109.676.668.082)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	221.139.732	140.902.195
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(5.963.470.843.096)	(4.712.100.000.000)
24	Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4.932.792.495.331	4.037.227.906.269
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.679.510.645)	(9.086.687.085)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	151.716.889.331	116.937.923.506
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(946.748.876.663)	(676.556.623.197)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	4.796.130.632.762	4.292.598.510.074
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.212.871.453.664)	(4.234.907.002.357)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(250.000.000.000)	(300.404.595.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	533.259.179.098	(42.713.087.283)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	260.277.701.456	(576.527.029.571)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	483.377.398.221	1.059.784.371.561
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	760.724.051	120.056.231
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	744.415.823.728	483.377.398.221



 Vũ Thị Mai  
 Người lập



 Trần Khương  
 Kế toán trưởng

 Đậu Trần Trung  
 Giám đốc Tài chính  
 Chữ ký được ủy quyền  
 Ngày 17 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty TNHH FPT IS ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104128565 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ thiết kế, triển khai, lắp đặt phần mềm và tích hợp hệ thống; kinh doanh thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; sửa chữa, bảo hành, bảo trì máy vi tính và thiết bị ngoại vi; và dịch vụ công nghệ thông tin khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 7 công ty con và 1 công ty liên doanh. Chi tiết như sau:

**(i) Công ty con**

Công ty con	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/12/2024	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia	Cung cấp giải pháp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động mua sắm chính phủ	Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ FPT	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Quốc tế Telehouse Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu	Việt Nam	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bán dẫn FPT	Sản xuất chất bán dẫn	Việt Nam	94,99%	94,99%	94,99%	94,99%
Công ty Cổ phần Truyền thông Techup	Xuất bản phần mềm	Việt Nam	73,75%	73,75%	73,75%	73,75%
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt (bao gồm cả sở hữu trực tiếp và gián tiếp)	Xuất bản phần mềm	Việt Nam	65,58%	65,58%	0%	0%
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin (Campuchia)	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	Campuchia	100%	100%	100%	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)**

**(ii) Công ty liên doanh**

Công ty liên doanh	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty PT FPT Metrodata Indonesia	Cung cấp các giải pháp và dịch vụ công nghệ thông tin	Indonesia	40%	40%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con có 3.432 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.802 nhân viên).

**Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất:**

Số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**Chế độ kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Do đó, Công ty và các công ty con sẽ áp dụng Thông tư 99 từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ban Giám đốc của Công ty đang tiếp tục đánh giá mức độ ảnh hưởng của Thông tư 99 đến việc đo lường và trình bày các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con trong các năm tài chính tới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty và các công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, nếu báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty, Công ty chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của Công ty theo nguyên tắc sau:

- Tài sản, nợ phải trả, và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm tài chính;
- LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân bởi vì tỷ giá bình quân của năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%);
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho Công ty; và
- Khi thanh lý công ty con, toàn bộ số chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trên phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con đó sẽ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính cùng kỳ kế toán thanh lý công ty con

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính*****Công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được công ty mẹ sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần của bên được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa công ty mẹ và các công ty con hoặc giữa các công ty con được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được công ty mẹ áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty con sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của công ty mẹ. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

***Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)*****Nhiệm vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)***

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

***Công ty liên kết và công ty liên doanh***

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản tổn thất lũy kế.

Sau đó, phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với tăng hoặc giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cổ tức hoặc lợi nhuận được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Ngoài ra việc điều chỉnh giá trị ghi sổ của khoản đầu tư cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty và các công ty con thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán/năm tài chính của đơn vị được đầu tư. Nếu phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty và các công ty con sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty và các công ty con áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty và các công ty con với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty và các công ty con trong các bên liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

**2.6 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.6 Lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh

**2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước, xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.10 Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

**2.11 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

**2.12 Hợp đồng phát triển phần mềm và tích hợp hệ thống**

Công ty áp dụng chính sách kế toán như sau để hạch toán và theo dõi hợp đồng phát triển phần mềm và tích hợp hệ thống.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã thực hiện và được khách hàng xác nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.12 Hợp đồng phát triển phần mềm và tích hợp hệ thống (tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng phát triển phần mềm và tích hợp hệ thống không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương ứng với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi các chi phí này đã phát sinh trong năm tài chính.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành cho hợp đồng đó tính đến cuối năm tài chính. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng.

**2.13 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	15 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 7 năm
TSCĐ hữu hình khác	3 – 7 năm
Bản quyền	3 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm
TSCĐ vô hình khác	3 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.13 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.14 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.15 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.15 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.17 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.17 Vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty và các công ty con xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2.18 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.19 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.20 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước liên quan đến dịch vụ bảo hành, bảo trì tuy nhiên chưa thực hiện xong dịch vụ. Công ty và các công ty con ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty và các công ty con sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**2.21 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính (Thuyết minh 2.3).

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.22 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà lợi nhuận được phê duyệt bởi chủ sở hữu của Công ty.

LNST TNDN có thể được chia sau cho các chủ sở hữu sau khi được chủ sở hữu phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập quỹ sau:

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được phê duyệt bởi chủ tịch của Công ty. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

**2.23 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và các công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Doanh thu từ hợp đồng phát triển phần mềm và tích hợp hệ thống**

Doanh thu từ hợp đồng phát triển phần mềm và tích hợp hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được xác định dựa trên phần công việc đã thực hiện và được khách hàng xác nhận. Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn (Thuyết minh 2.12).

**(d) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(e) Thu nhập từ lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ lợi nhuận được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con xác lập quyền nhận lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**2.24 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.26 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí cho vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.27 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty và các công ty con.

**2.28 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và các công ty con.

**2.29 Thuế TNDN hiện hành và TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.30 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và các công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty và các công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.31 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8 và 9);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 2.9 và 10);
- Ước tính tiến độ hoàn thành của hợp đồng dịch vụ (Thuyết minh 2.12);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.13 và 12); và
- Thuế TNDN (Thuyết minh 2.29 và 34).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt	693.237.543	641.911.824
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	528.461.504.402	394.514.376.135
Các khoản tương đương tiền (*)	215.261.081.783	88.221.110.262
	<u>744.415.823.728</u>	<u>483.377.398.221</u>

(\*) Bao gồm số dư tiền gửi của Công ty với số tiền 185.320.975.281 Đồng tại 31 tháng 12 năm 2025 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 87.221.110.262 Đồng) tại Tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT, công ty mẹ, và được quản lý bởi công ty mẹ theo thỏa thuận giữa ngân hàng, Công ty và công ty mẹ. Theo đó, Công ty khi có nhu cầu có thể rút tiền từ Tài khoản tập trung mà không gặp khó khăn hay rủi ro đáng kể nào trong việc rút tiền.

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>2.752.678.347.765</u>	<u>2.752.678.347.765</u>	<u>1.632.000.000.000</u>	<u>1.632.000.000.000</u>

Bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng tiền gửi.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	216.846.778.824	346.694.496.569
Bên thứ ba	1.774.370.775.915	1.784.641.822.434
Trong đó:		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	206.619.302.105	244.137.624.960
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	127.902.792.353	32.019.815.900
- Khác	1.439.848.681.457	1.508.484.381.574
	<u>1.991.217.554.739</u>	<u>2.131.336.319.003</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**6 PHẢI THU/PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Hợp đồng dở dang tại cuối năm		
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	200.405.269.967	137.331.075.079
- Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	(85.650.109.236)	(92.738.882.375)
	<u>114.755.160.731</u>	<u>44.592.192.704</u>
Doanh thu thuần lũy kế của hợp đồng đang thực hiện tại ngày kết thúc năm tài chính	2.119.243.329.162	1.708.144.021.069
Trừ: các hóa đơn hoàn thành theo tiến độ	(2.004.488.168.431)	(1.663.551.828.365)
	<u>114.755.160.731</u>	<u>44.592.192.704</u>

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b)) (i)	1.040.000.000.000	1.130.000.000.000
Bên thứ ba	171.825.000.000	-
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ (ii)	171.825.000.000	-
	<u>1.211.825.000.000</u>	<u>1.130.000.000.000</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Bên thứ ba	-	171.825.000.000
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ (ii)	-	171.825.000.000
	<u>-</u>	<u>171.825.000.000</u>

- (i) Số dư bao gồm các khoản cho vay công ty mẹ có thời hạn đáo hạn dưới 12 tháng, không có tài sản đảm bảo với lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay.
- (ii) Số dư bao gồm các khoản cho vay chuyển đổi cho Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ ("Sen Đỏ") với thời hạn gốc là một năm kể từ ngày giải ngân và lãi suất là 6,0%/năm. Trong năm 2024, khoản cho vay này đã được gia hạn đến ngày 13 tháng 8 năm 2026. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho các khoản cho vay này do khả năng thu hồi là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Phải thu hợp đồng dịch vụ bảo trì	106.185.012.451	123.974.392.686
Lãi tiền gửi dự thu	105.327.185.915	72.462.063.253
Phải thu người lao động	15.469.671.729	3.246.195.728
Khác	30.977.170.078	26.256.095.184
	<u>257.959.040.173</u>	<u>225.938.746.851</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	<u>11.042.707.842</u>	<u>9.206.599.413</u>

## 9 NỢ KHÓ ĐÒI

## (a) Ngắn hạn

	31/12/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	594.094.695.716	152.206.576.615	441.888.119.101
<i>Trong đó:</i>			
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ (bao gồm cả gốc và lãi cho vay)	215.017.568.236	-	215.017.568.236
- Khác	<u>379.077.127.480</u>	<u>152.206.576.615</u>	<u>226.870.550.865</u>
	31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	455.145.889.455	152.481.443.978	302.664.445.477
<i>Trong đó:</i>			
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ (bao gồm lãi cho vay)	32.883.068.232	-	32.883.068.232
- Khác	<u>422.262.821.223</u>	<u>152.481.443.978</u>	<u>269.781.377.245</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 9 NỢ KHÓ ĐÒI (TIẾP THEO)

## (b) Dài hạn

	31/12/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
	31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	171.825.000.000	-	171.825.000.000
<i>Trong đó:</i>			
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ (bao gồm gốc cho vay)	171.825.000.000	-	171.825.000.000
	<u>171.825.000.000</u>	<u>-</u>	<u>171.825.000.000</u>

## 10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	20.527.429.176	-	19.368.902.314	-
Công cụ, dụng cụ	1.805.191.617	-	692.449.052	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	588.399.526.862	-	474.544.818.280	-
Hàng hóa	84.673.931.727	(6.613.991.155)	106.532.557.032	(6.064.265.245)
Hàng gửi bán	424.775.569	-	445.943.569	-
	<u>695.830.854.951</u>	<u>(6.613.991.155)</u>	<u>601.584.670.247</u>	<u>(6.064.265.245)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước thực hiện dự án	9.512.577.810	20.064.393.628
Chi phí thuê, bảo trì và sửa chữa văn phòng	8.871.945.980	16.005.875.866
Khác	6.813.428.809	6.244.423.279
	<u>25.197.952.599</u>	<u>42.314.692.773</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước thực hiện dự án	23.275.816.838	27.286.306.901
Chi phí thuê, bảo trì và sửa chữa văn phòng	83.049.827.408	50.488.451.996
Khác	10.229.861.481	19.436.624.170
	<u>116.555.505.727</u>	<u>97.211.383.067</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

## 12 TSCĐ

## (a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	129.077.134.093	179.110.302.357	24.584.713.126	246.248.607.907	2.176.492.749	581.197.250.232
Mua trong năm	-	449.310.000	-	4.996.827.151	-	5.446.137.151
Thanh lý, xóa sổ	-	(130.861.500)	(1.487.428.091)	(8.911.639.892)	-	(10.529.929.483)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	129.077.134.093	179.428.750.857	23.097.285.035	242.333.795.166	2.176.492.749	576.113.457.900
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(38.686.994.965)	(110.595.443.062)	(17.672.485.766)	(183.805.519.536)	(2.107.686.866)	(352.868.130.195)
Khấu hao trong năm	(6.274.179.883)	(11.445.126.684)	(2.524.604.321)	(33.854.636.424)	(68.805.883)	(54.167.353.195)
Thanh lý, xóa sổ	-	130.861.500	1.365.677.988	8.911.639.892	-	10.408.179.380
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(44.961.174.848)	(121.909.708.246)	(18.831.412.099)	(208.748.516.068)	(2.176.492.749)	(396.627.304.010)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	90.390.139.128	68.514.859.295	6.912.227.360	62.443.088.371	68.805.883	228.329.120.037
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	84.115.959.245	57.519.042.611	4.265.872.936	33.585.279.098	-	179.486.153.890

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 248.626.884.053 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 215.314.429.413 Đồng).

CÔNG TY TNHH FPT IS

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

12 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.843.072.652	315.451.766.386	432.207.363	320.727.046.401
Mua trong năm	-	2.368.831.579	-	2.368.831.579
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	-	54.042.984.020	-	54.042.984.020
Thanh lý, xóa sổ	(56.108.258)	(16.701.514.803)	-	(16.757.623.061)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>4.786.964.394</u>	<u>355.162.067.182</u>	<u>432.207.363</u>	<u>360.381.238.939</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(2.174.983.153)	(178.861.043.555)	(432.207.363)	(181.468.234.071)
Khấu hao trong năm	(1.588.666.666)	(62.218.419.207)	-	(63.807.085.873)
Thanh lý, xóa sổ	56.108.258	7.430.099.942	-	7.486.208.200
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>(3.707.541.561)</u>	<u>(233.649.362.820)</u>	<u>(432.207.363)</u>	<u>(237.789.111.744)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	<u>2.668.089.499</u>	<u>136.590.722.831</u>	-	<u>139.258.812.330</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>1.079.422.833</u>	<u>121.512.704.362</u>	-	<u>122.592.127.195</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 114.470.372.511 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 95.706.243.244 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Cải tạo văn phòng	112.753.440	5.511.415.903
Các dự án xây dựng phần mềm	18.501.421.042	25.397.559.970
	<u>18.614.174.482</u>	<u>30.908.975.873</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	30.908.975.873	7.963.528.414
Mua sắm	47.913.197.199	76.039.031.066
Chuyển sang chi phí trả trước	(6.165.014.570)	(1.982.519.043)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 12(b))	(54.042.984.020)	(51.111.064.564)
	<u>18.614.174.482</u>	<u>30.908.975.873</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 14 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2025				31/12/2024			
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty PT FPT Metrodata Indonesia	40%	10.773.911.959	-	(*)	40%	9.030.726.896	-	(*)

(\*) Thuyết minh về giá trị hợp lý: tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.030.726.896	-
Tăng đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 36(a))	-	9.086.687.085
Phần lãi/(lỗ) trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết	1.743.185.063	(55.960.189)
Số dư cuối năm	10.773.911.959	9.030.726.896

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**15 THUẾ TNDN HOÃN LẠI**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế.

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm tài chính như sau:

*Tài sản thuế TNDN hoãn lại*

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	44.380.073.878	24.876.428.256
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	4.912.520.081	13.099.335.994
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	6.404.309.628
Số dư cuối năm	<u>49.292.593.959</u>	<u>44.380.073.878</u>

*Thuế TNDN hoãn lại phải trả*

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	3.330.547.045	3.835.348.750
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(3.330.547.045)	(504.801.705)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>3.330.547.045</u>

**16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	209.266.342.842	209.266.342.842	352.407.342.607	352.407.342.607
Bên thứ ba	789.126.744.078	789.126.744.078	707.280.941.883	707.280.941.883
Trong đó:				
- Uromax (Singapore) Pte Ltd	168.553.003.775	168.553.003.775	45.050.081.813	45.050.081.813
- Khác	620.573.740.303	620.573.740.303	662.230.860.070	662.230.860.070
	<u>998.393.086.920</u>	<u>998.393.086.920</u>	<u>1.059.688.284.490</u>	<u>1.059.688.284.490</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	5.450.039.126	4.353.147.600
Bên thứ ba	501.529.943.982	350.463.442.123
Trong đó:		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	128.119.422.551	83.597.561.869
- Khác	373.410.521.431	266.865.880.254
	<u>506.979.983.108</u>	<u>354.816.589.723</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2025 VND
Thuế GTGT đầu ra	32.993.263.964	460.573.949.662	(393.738.059.039)	(78.261.830.828)	21.567.323.759
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	126.863.127.684	-	(126.863.127.684)	-
Thuế TNDN	75.001.124.157	106.488.306.806	-	(73.364.368.321)	108.125.062.642
Thuế thu nhập cá nhân	7.240.823.875	123.828.435.552	-	(124.431.290.244)	6.637.969.183
Thuế nhà thầu nước ngoài	6.017.421.978	64.275.249.282	-	(60.574.336.459)	9.718.334.801
Thuế khác	-	1.136.191.678	-	(1.136.191.678)	-
	<u>121.252.633.974</u>	<u>883.165.260.664</u>	<u>(393.738.059.039)</u>	<u>(464.631.145.214)</u>	<u>146.048.690.385</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí liên quan đến các dự án tích hợp hệ thống	363.125.256.902	316.123.125.768
Khác	1.304.497.356	2.533.049.777
	<u>364.429.754.258</u>	<u>318.656.175.545</u>

## 20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn chủ yếu liên quan đến dịch vụ bảo trì cung cấp cho khách hàng.

## 21 PHẢI TRẢ KHÁC

## (a) Ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	331.874.723.543	384.928.944.025
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả Công ty mẹ - phân phối lợi nhuận	300.000.000.000	250.000.000.000
- Phải trả Công ty mẹ - Dự án Tân Thuận	31.874.723.543	134.899.329.954
- Khác	-	29.614.071
Bên thứ ba	50.961.091.141	48.466.560.568
	<u>382.835.814.684</u>	<u>433.395.504.593</u>

## (b) Dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))		
- Phải trả Công ty mẹ - Dự án Tân Thuận	134.899.329.954	-
Bên thứ ba	30.000.000	-
	<u>134.929.329.954</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 22 VAY

## (a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2025 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Vay ngân hàng (*)	2.011.407.545.915	4.796.130.632.762	-	(4.192.330.407.068)	2.615.207.771.609
	<u>2.011.407.545.915</u>	<u>4.796.130.632.762</u>	<u>-</u>	<u>(4.192.330.407.068)</u>	<u>2.615.207.771.609</u>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>					
Vay ngân hàng (*)	20.541.046.596	-	26.292.539.709	(20.541.046.596)	26.292.539.709
	<u>20.541.046.596</u>	<u>-</u>	<u>26.292.539.709</u>	<u>(20.541.046.596)</u>	<u>26.292.539.709</u>
	<u>2.031.948.592.511</u>	<u>4.796.130.632.762</u>	<u>26.292.539.709</u>	<u>(4.212.871.453.664)</u>	<u>2.641.500.311.318</u>

## (b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2025 VND
Vay ngân hàng (*)	26.292.539.709	-	(26.292.539.709)	-	-
	<u>26.292.539.709</u>	<u>-</u>	<u>(26.292.539.709)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(\*) Bao gồm các khoản vay bằng VND không có tài sản đảm bảo từ các ngân hàng thương mại có lãi suất từ 4,0%/năm đến 7,35%/năm (năm 2024: từ 2,8%/năm đến 7,35%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm	4.647.758.536	4.777.723.960
Dự phòng khác	-	5.481.795.634
	<u>4.647.758.536</u>	<u>10.259.519.594</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Dự phòng Chi phí nâng cấp Hệ thống e-GP trước thời điểm chuyển giao	81.546.400.142	56.783.974.142
Dự phòng bảo hành sản phẩm	4.166.498.964	3.230.401.821
	<u>85.712.899.106</u>	<u>60.014.375.963</u>

**24 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<u>Vốn điều lệ và vốn đã góp</u> VND	%
Công ty Cổ phần FPT	<u>1.500.000.000.000</u>	<u>100</u>

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104128565 ngày 25 tháng 4 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 1.500.000.000.000 Đồng, đã được góp đủ tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**25 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.100.000.000.000	1.097.176.868	479.767.945.602	65.388.310.196	1.646.253.432.666
Vốn tăng trong năm	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	345.660.292.640	(1.095.702.481)	344.564.590.159
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(30.791.086.149)	-	(30.791.086.149)
Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 36(a))	-	-	(250.000.000.000)	(404.595.000)	(250.404.595.000)
Khác	-	347.752.875	(37.749.431.150)	-	(37.401.678.275)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.300.000.000.000	1.444.929.743	506.887.720.943	63.888.012.715	1.872.220.663.401
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 38)	-	-	-	10.655.120.074	10.655.120.074
Vốn tăng trong năm (*)	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	407.635.399.475	(5.103.609.636)	402.531.789.839
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(12.229.061.984)	-	(12.229.061.984)
Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 36(a)) (***)	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Khác	-	256.480.086	(25.887.025.266)	-	(25.630.545.180)
Tại ngày 31 năm 12 năm 2025	1.500.000.000.000	1.701.409.829	576.407.033.168	69.439.523.153	2.147.547.966.150

(\*) Theo Quyết định số 42/QĐ-FIS của Chủ tịch Công ty đề ngày 24 tháng 3 năm 2025, chủ sở hữu Công ty góp thêm vốn với số tiền là 200.000.000.000 Đồng. Việc tăng vốn được hoàn tất vào ngày 31 tháng 3 năm 2025.

(\*\*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ theo Quyết định số 1514/25/QĐ-FPT IS của Chủ tịch Công ty đề ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(\*\*\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu với tổng số tiền là 300.000.000.000 Đồng theo Quyết định số 222/QĐ/FPT của Chủ tịch Công ty đề ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản phân phối lợi nhuận này chưa được thanh toán cho chủ sở hữu và đang được ghi nhận là khoản phải trả ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 21)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ</b>		
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ khách hàng	215.590.407.811	130.273.194.158
<b>Ngoại tệ</b>		
Đô la Mỹ	1.296.638,77	382.341,88
Euro	60.757,51	-
Yên Nhật	205.085.350,00	79.042.385,00
Taka Bangladesh	68.299.981,67	46.662.109,64
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	26.050.528.810	-

**27 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2025 VND	2024 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	4.710.233.688.956	4.547.913.671.842
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.415.161.701.873	2.965.857.170.535
	8.125.395.390.829	7.513.770.842.377
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	(673.371.417)	(1.135.250.000)
Chiết khấu thương mại	(4.674.064.014)	(11.013.584.494)
	(5.347.435.431)	(12.148.834.494)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	4.705.525.439.942	4.536.972.484.848
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.414.522.515.456	2.964.649.523.035
	8.120.047.955.398	7.501.622.007.883

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

28	GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP	2025 VND	2024 VND
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.043.837.881.236	3.961.001.029.799
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.440.825.746.477	2.019.643.300.166
	Tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	549.725.910	1.593.164.641
		<u>6.485.213.353.623</u>	<u>5.982.237.494.606</u>
29	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2025 VND	2024 VND
	Lãi tiền gửi, cho vay	184.582.011.993	126.761.652.302
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.040.820.593	21.594.160.255
		<u>203.622.832.586</u>	<u>148.355.812.557</u>
30	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	2025 VND	2024 VND
	Lãi tiền vay	88.567.350.780	63.431.502.988
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.650.811.125	22.522.122.897
	Khác	403.530	-
		<u>102.218.565.435</u>	<u>85.953.625.885</u>
31	CHI PHÍ BÁN HÀNG	2025 VND	2024 VND
	Chi phí nhân viên	555.545.967.747	418.365.209.337
	Dịch vụ mua ngoài	149.341.736.059	141.911.058.831
	Khấu hao TSCĐ	20.683.943.668	20.267.779.502
	Khác	59.587.884.196	61.978.443.477
		<u>785.159.531.670</u>	<u>642.522.491.147</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**32 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	321.536.875.474	276.019.072.638
Dịch vụ mua ngoài (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu khó đòi	91.476.822.905	82.414.567.491
Khấu hao TSCĐ	(4.314.701.549)	72.601.150.570
Khác	11.702.223.522	12.146.321.384
	51.003.092.129	74.321.149.733
	<u>471.404.312.481</u>	<u>517.502.261.816</u>

**33 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2025 VND	2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ thanh lý, xóa sổ TSCĐ	221.139.732	140.902.195
Tiền thưởng nhận từ đối tác kinh doanh	30.644.085.583	28.553.955.637
Khác	1.312.934.886	5.799.791.867
	<u>32.178.160.201</u>	<u>34.494.649.699</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ từ thanh lý, xóa sổ TSCĐ	(9.393.164.964)	(173.053.963)
Tiền phạt	(2.651.747.585)	(9.492.932.914)
Khác	(850.020.474)	(6.409.840.496)
	<u>(12.894.933.023)</u>	<u>(16.075.827.373)</u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u>19.283.227.178</u>	<u>18.418.822.326</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**34 THUẾ TNDN**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% được thể hiện như sau:

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	500.701.437.016	440.124.809.123
Thuế tính ở thuế suất 20%	100.140.287.403	88.024.961.825
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.552.569.844	3.030.263.025
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế hoãn lại	1.713.262.830	2.078.741.079
Thuế được miễn hoặc giảm	(6.161.363.147)	(2.425.670.449)
Khác	(75.109.753)	4.851.923.484
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>98.169.647.177</u>	<u>95.560.218.964</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	106.412.714.303	109.164.356.663
Thuế TNDN - hoãn lại	(8.243.067.126)	(13.604.137.699)
	<u>98.169.647.177</u>	<u>95.560.218.964</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con. Chi tiết được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	4.041.444.047.572	3.973.186.747.999
Dịch vụ mua ngoài	1.846.059.923.974	1.280.868.054.797
Chi phí nhân viên	1.663.066.544.028	1.387.227.614.355
Khấu hao TSCĐ	118.779.001.907	107.201.689.999
Khác	186.137.932.039	373.007.542.555
	<u>7.855.487.449.520</u>	<u>7.121.491.649.705</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty và các công ty con có giao dịch với các bên liên quan chủ yếu sau:

<b>Bên liên quan (*)</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Công ty PT FPT Metrodata Indonesia	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Synnex FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(\*) Số liệu của bên liên quan được trình bày trong thuyết minh này bao gồm số liệu của công ty liên quan và công ty con trực thuộc công ty đó (nếu có).

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>i) Bán hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	221.330.747.014	380.160.146.654
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	134.439.433.844	85.886.588.172
Công ty Cổ phần FPT	112.910.132.668	185.150.797.000
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	22.140.834.678	178.495.981.356
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	17.400.544.476	29.403.503.120
Khác	18.604.801.208	13.810.859.288
	<u>526.826.493.888</u>	<u>872.907.875.590</u>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Synnex FPT	524.276.691.511	663.737.863.687
Công ty TNHH Phần mềm FPT	124.540.385.635	182.357.406.715
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	95.604.378.387	75.397.142.665
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	86.497.192.032	61.182.487.769
Công ty Cổ phần FPT	58.532.579.391	60.141.385.225
Khác	38.040.543.768	25.923.049.875
	<u>927.491.770.724</u>	<u>1.068.739.335.936</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2025 VND	2024 VND
<i>iii) Cho vay</i> Công ty Cổ phần FPT	1.670.000.000.000	2.280.000.000.000
<i>iv) Thu hồi cho vay</i> Công ty Cổ phần FPT	1.760.000.000.000	2.600.000.000.000
<i>v) Lãi cho vay</i> Công ty Cổ phần FPT	53.695.883.577	62.578.222.975
<i>vi) Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 25)</i> Công ty Cổ phần FPT	300.000.000.000	250.000.000.000
<i>vii) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 14)</i> Công ty PT FPT Metrodata Indonesia	-	9.086.687.085
<i>viii) Nhận vốn góp bằng tiền (Thuyết minh 25)</i> Công ty Cổ phần FPT	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>ix) Giao dịch khác</i> Công ty TNHH Phần mềm FPT Công ty TNHH FPT Smart Cloud Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Khác	- 57.305.555 4.629.630 18.518.518	3.273.977.826 73.611.112 45.622.227 -
	80.453.703	3.393.211.165
<i>xi) Các khoản lương và thù lao cho các nhân sự chủ chốt</i> Lương và các quyền lợi gộp khác	8.336.448.000	8.321.270.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>i) Tiền gửi tại Tài khoản tập trung của công ty mẹ (Thuyết minh 3)</b>		
Công ty Cổ phần FPT	185.320.975.281	87.221.110.262
<b>ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần FPT	107.226.597.452	95.003.609.420
Công ty TNHH Phần mềm FPT	66.029.469.453	42.372.111.859
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	33.728.270.060	11.166.504.805
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	5.129.564.577	14.012.340.340
Công ty TNHH Đầu tư FPT	2.612.190.894	119.337.001
Công ty TNHH Smart Cloud	1.944.929.480	183.349.000.000
Khác	175.756.908	671.593.144
	<u>216.846.778.824</u>	<u>346.694.496.569</u>
<b>iii) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	46.936.407.463	83.533.395.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	23.604.898.460	-
	<u>70.541.305.923</u>	<u>83.533.395.000</u>
<b>iv) Cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</b>		
Công ty Cổ phần FPT	1.040.000.000.000	1.130.000.000.000
<b>v) Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần FPT	21.297.379.747	17.335.483.242
Công ty TNHH Đầu tư FPT	-	600.000
	<u>21.297.379.747</u>	<u>17.336.083.242</u>
<b>vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16)</b>		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	80.190.075.900	41.291.216.005
Công ty Cổ phần Synnex FPT	67.891.691.366	257.542.842.530
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	26.457.163.898	17.635.388.174
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	16.234.368.897	16.518.276.086
Khác	18.493.042.781	19.419.619.812
	<u>209.266.342.842</u>	<u>352.407.342.607</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

## 36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>vii) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 17)</b>		
Công ty Cổ phần FPT	4.700.019.355	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	127.291.811	4.340.607.600
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	14.324.000	12.540.000
Khác	608.403.960	-
	<u>5.450.039.126</u>	<u>4.353.147.600</u>
<b>viii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 21(a))</b>		
Công ty Cổ phần FPT	331.874.723.543	384.899.329.954
Khác	-	29.614.071
	<u>331.874.723.543</u>	<u>384.928.944.025</u>
<b>ix) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 21(b))</b>		
Công ty Cổ phần FPT	<u>134.899.329.954</u>	-

## 37 CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê kho và văn phòng không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Thuê kho và văn phòng</b>		
Trong vòng 1 năm	69.747.888.696	31.080.469.826
Từ 1 năm đến 5 năm	212.363.054.944	89.169.744.389
Trên 5 năm	104.062.396.191	30.597.330.965
	<u>386.173.339.831</u>	<u>150.847.545.180</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**38 HỢP NHẤT KINH DOANH**

Tại ngày 28 tháng 4 năm 2025, Công ty và các công ty con đã mua 65,58% cổ phần của Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt. Trong đó, Công ty sở hữu 49,00% cổ phần và Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ FPT, công ty con, sở hữu 16,58% cổ phần.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản thuần của Công ty và các công ty con tại ngày mua như sau:

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.224.490.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.057.399.155
Các khoản phải thu ngắn hạn	17.482.538.873
Tài sản khác	402.531.587
	<hr/>
	33.166.959.815
<b>Nợ phải trả</b>	2.213.768.934
	<hr/>
<b>Tài sản thuần</b>	<b>30.953.190.881</b>
	<hr/> <hr/>
Lợi thế thương mại	14.663.329.193
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(10.655.120.074)
	<hr/>
Tổng giá phí	34.961.400.000
Khoản tiền và tiền gửi ngân hàng thu được	15.281.889.355
	<hr/>
Tiền thuần chi ra	<b>(19.679.510.645)</b>
	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**39 NỢ TIỀM TÀNG**

**(a) Nghĩa vụ hoàn nguyên đối với đất thuê**

Công ty và các công ty con ký hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Hợp đồng thuê đất này không có quy định cụ thể về nghĩa vụ hoàn nguyên đối với đất thuê. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá là Công ty và các công ty con có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty và các công ty con ra khỏi đất thuê và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban thành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không nêu cụ thể điều khoản hoàn nguyên đối với đất thuê. Do đó, Công ty và các công ty con chưa ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**(b) Phân chia lợi nhuận theo Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao**

Theo Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao ("Hợp đồng BOT") thuộc Dự án "Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ" theo mô hình đối tác công tư (PPP), được ký kết giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính), Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng quốc gia ("Công ty IDNES") – công ty con của công ty. Công ty có nghĩa vụ chia sẻ phần lợi nhuận vượt trên mức lợi nhuận kỳ vọng cho Bộ Tài Chính tại cuối mỗi giai đoạn hoạt động quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, các điều khoản về phân chia lợi nhuận trong hợp đồng chưa được quy định rõ ràng khi xác định phần lợi nhuận được phân chia thực tế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã ước tính và ghi nhận nghĩa vụ phân chia phần lợi nhuận vượt kỳ vọng trên báo cáo tài chính hợp nhất là 26,1 tỷ Đồng dựa trên các đánh giá của mình. Công ty đang trao đổi với Bộ Tài Chính để xác định chính xác nghĩa vụ phải phân chia tương ứng với phần lợi nhuận vượt kỳ vọng của dự án.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 17 tháng 3 năm 2026.

*Vmai*

Vũ Thị Mai  
Người lập

*TK*

Trần Khương  
Kế toán trưởng



Đâu Trần Trung  
Giám đốc Tài chính  
Chữ ký được ủy quyền